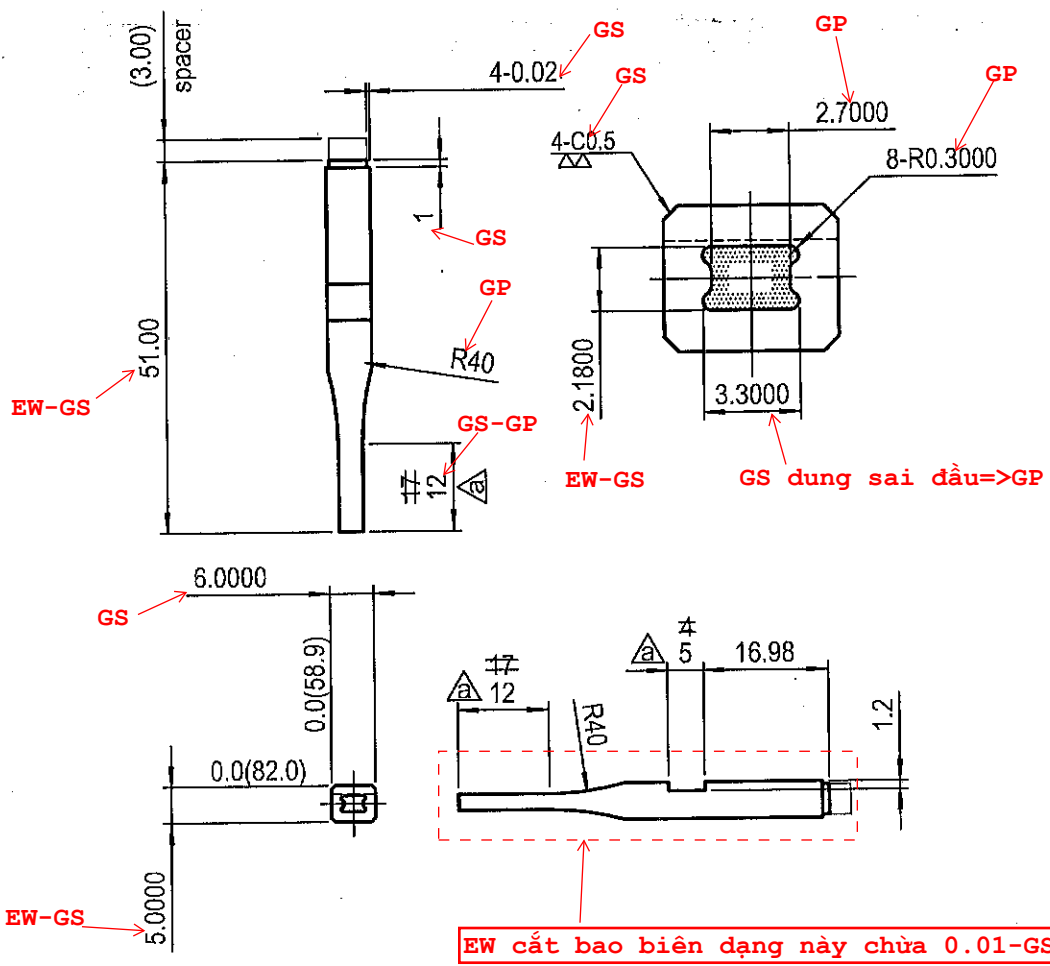


MV

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
1	2018/09/14	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
2	2019/11/01	製品図変更(同現物)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 ⁻⁰	+0.005 -0
3							0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
4							0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	+0.01 -0
5							0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
									0.0 ⁻⁰	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED										
FINISH MARKS										
G ()										



C2 A GP GS2 AF

ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)

△ (共立合金製 KX01) が材質証明必要との事です

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(V50)	1:1	部品図 PART DRAWING	トリミングパンチ TRIMMING PUNCH
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	修整冲头 修整冲頭
Lin_Wei_Cheng	QUENCH&TEMPER	DATE	DWG.No.	
DWN.	HRC ~	2018/09/14		
Lin_Wei_Cheng	A4V			

R179392

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

J7 x 8 x 55

114 2021 11 175

SNO: **R179392**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: T7*9*55	EW:150 GS:120 GP:250 KT